

MỤC LỤC

PHẦN A: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.	1
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.	2
4. Đối tượng khảo sát thực nghiệm.	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Phạm vi nghiên cứu.	2
PHẦN B: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	3
CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	3
1. Mục tiêu của môn Tự nhiên và xã hội	3
2. Về vấn đề đổi mới phương pháp dạy học.....	3
3. Về đặc điểm tâm sinh lí học sinh Tiểu học.....	3
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	5
1. Một số đặc điểm chung của Nhà trường.....	5
2. Đặc điểm lớp 1A.....	5
3. Những thuận lợi và khó khăn.....	5
CHƯƠNG III. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 1 HỌC TIẾT TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI, CHỦ ĐỀ TỰ NHIÊN.	7
1. Biện pháp 1: Nghiên cứu nội dung chương trình, tham khảo, sưu tầm tài liệu để định hướng tổ chức giờ dạy.....	7
2. Biện pháp 2: Hướng dẫn sự chuẩn bị của học sinh để học sinh học tập tích cực theo định hướng phát triển năng lực.....	10
3. Biện pháp 3: Lập kế hoạch thiết kế các hoạt động dạy học.	10
4. Biện pháp 4: Sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học.....	13
5. Biện pháp 5: Sử dụng ca dao, tục ngữ, thơ và tổ chức trò chơi học tập trong dạy học Tự nhiên và Xã hội	15
CHƯƠNG IV. KẾT QUẢ	18
1. Giáo viên.....	18
2. Học sinh.	18
PHẦN C: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	19
I. Kết luận:.....	19
II. Khuyến nghị.....	19

PHẦN A: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Đất nước ta đang trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Vì vậy cùng với tăng trưởng kinh tế phải chăm lo phát triển nguồn lực con người, chuẩn bị lớp người có một hệ thống giá trị phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kì đổi mới.

Mỗi môn học trong chương trình có một vị trí, vai trò riêng. Tự nhiên và Xã hội là một môn học ở Tiểu học góp phần cùng những môn học khác hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho học sinh.

Thực tế môn Tự nhiên và Xã hội đã được đổi mới: Nguồn cung cấp thông tin cho học sinh trong sách giáo khoa chủ yếu là những hình ảnh màu sắc đẹp, rõ nét với chức năng là nguồn cung cấp tri thức đòi hỏi học sinh phải tích cực, chủ động tự phát hiện kiến thức bằng một chuỗi trình tự các hoạt động học tập mà bài học yêu cầu thực hiện thông qua các kí hiệu trước các câu hỏi và các lệnh.

Thực tiễn dạy học ở Tiểu học cho thấy giáo viên còn gặp nhiều khó khăn trong dạy học Tự nhiên và Xã hội nhất là việc dạy học các nội dung thuộc chủ đề *Tự nhiên*. Giáo viên lên lớp đồ dùng tranh ảnh giảng dạy còn ít nên muốn giảng dạy tốt giáo viên cần phải sưu tầm thêm tranh ảnh, mất nhiều thời gian, giáo viên còn ngại. Học sinh thụ động nghe giảng, chưa mạnh dạn nêu ý kiến của mình trước tập thể.

Học sinh lớp 1 còn nhỏ, vốn hiểu biết về các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên còn hạn chế. Nội dung, kiến thức về tự nhiên lại phong phú, đa dạng, khó dạy và trừu tượng đối với học sinh lớp 1.

Kênh hình trong sách giáo khoa nhỏ, không đủ lớn để tổ chức các hoạt động chung cho cả lớp và số lượng đưa ra còn hạn chế.

Việc học tốt môn Tự nhiên và Xã hội sẽ giúp học sinh tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên, thêm yêu đất nước, con người, biết cách bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ sức khỏe. Đồng thời, giúp học sinh học tốt các môn học khác như môn Tiếng Việt. Xuất phát từ lí do trên tôi đã đi sâu tìm hiểu: ***“Một số biện pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội, chủ đề Tự nhiên lớp 1”*** làm đề tài sáng kiến cho năm học 2018 – 2019.

2. Mục đích nghiên cứu.

- Tìm hiểu một số thực trạng và đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, chủ đề Tự nhiên.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.

- **Khách thể nghiên cứu:** Biện pháp dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 chủ đề Tự nhiên.

- **Đối tượng nghiên cứu:** Một số biện pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy phân môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 chủ đề Tự nhiên.

4. Đối tượng khảo sát thực nghiệm.

- Giáo viên và học sinh lớp 1.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Để hoàn thành đề tài này tôi kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu:

- **Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận:** Nghiên cứu giáo trình, các tài liệu, sách báo, phân tích, tổng hợp thông tin để rút ra kết luận khoa học cần thiết có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- **Nhóm phương pháp điều tra:** Là phương pháp dùng một hệ thống câu hỏi theo những nội dung xác định để thu thập những thông tin có liên quan đến đề tài.

- **Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:** Bao gồm các phương pháp quan sát, phương pháp làm mẫu, phương pháp huấn luyện, luyện tập, giải thích, đàm thoại, tổng kết kinh nghiệm. Các phương pháp này nhằm phát huy tính tích cực chủ động trong tiết Tự nhiên và xã hội.

- **Nhóm phương pháp thử nghiệm sư phạm:** Bao gồm phương pháp nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực trạng và đề ra “**Một số biện pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tự nhiên và xã hội lớp 1**”. Đề tài thử nghiệm và rút ra kết luận về hiệu quả các phương pháp trên qua một số tiết dạy cụ thể ở lớp 1.

6. Phạm vi nghiên cứu.

- Đề tài này được nghiên cứu và hoàn thành trong phạm vi chương trình môn Tự nhiên và xã hội lớp 1.

- Thời gian thực hiện đề tài từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019.

PHẦN B: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu của môn Tự nhiên và xã hội:

1.1. Cung cấp cho học sinh một số kiến thức cơ bản, ban đầu về:

- Con người và sức khỏe (cơ thể người, cách giữ vệ sinh cơ thể và phòng tránh bệnh tật, tai nạn)
- Một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội.

1.2. Bước đầu hình thành và phát triển những kỹ năng:

- Tự chăm sóc sức khỏe bản thân, phòng tránh một số bệnh tật, tai nạn.
- Quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, biết cách diễn đạt những hiểu biết của mình về các sự vật, hiện tượng đơn giản trong Tự nhiên và Xã hội.

1.3. Hình thành và phát triển những thái độ và hành vi:

- Tự giác thực hiện các quy tắc giữ vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Yêu thiên nhiên, gia đình, trường học, quê hương.

Cụ thể: Sau khi học xong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, học sinh sẽ:

- Biết về công việc của các thành viên trong gia đình, nhà trường và một số nghề nghiệp trong xã hội, ở địa phương; giữ sạch nhà ở, lớp học, giữ an toàn khi ở nhà, ở trường, khi đi đường.
- Biết cây cối và các con vật có thể sống được ở khắp nơi, biết quan sát bầu trời....

2. Về vấn đề đổi mới phương pháp dạy học:

Đổi mới phương pháp dạy học là dạy cho học sinh phương pháp phát hiện vấn đề, tìm cách giải quyết vấn đề, xây dựng bài mới và vận dụng nó theo năng lực của từng học sinh. Thầy giáo phải là người tổ chức, dẫn dắt các em trong cả tiết học để các em chủ động, tích cực khám phá, sáng tạo. Theo phương pháp này thì cả thầy và trò đều phải hoạt động. Giáo viên cần tạo bầu không khí cởi mở trong tiết học tạo cơ hội cho các hoạt động diễn ra; luôn biết động viên, giúp đỡ và như một tấm gương cho học sinh của mình. Giờ học sẽ sôi nổi, hứng thú vì có sự đối thoại giữa thầy với trò, giữa trò với trò. Hai hoạt động dạy và học cùng phối hợp với nhau, cùng phát huy tác dụng dẫn tới chất lượng, hiệu quả cao.

3. Về đặc điểm tâm sinh lý học sinh Tiểu học:

Với học sinh Tiểu học, độ bền của sự chú ý chưa cao, dễ hưng phấn nhưng cũng dễ chán nản, mệt mỏi, không tập trung. Hứng thú nhận thức có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ. Không có hứng thú nhận

thức, trẻ không tích cực học tập; tư duy trực quan chiếm ưu thế; ghi nhớ máy móc dễ dàng hơn ghi nhớ logic. Các em có thể tiếp nhận kiến thức bằng nhiều con đường khác nhau; thính giác, thị giác và cả vận động. Vì vậy giải pháp tích cực đặt ra là người giáo viên trong quá trình dạy học phải biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học lựa chọn những hình thức tổ chức dạy học thích hợp nhằm đạt được hiệu quả thiết thực; phải cho các em vừa được nghe, vừa được thấy, vừa được hoạt động. Có như vậy mới tạo được hưng phấn học tập, giảm bớt được mệt mỏi, tránh được căng thẳng cho tiết học; kiến thức bài học đến với các em mới nhẹ nhàng, nhanh chóng và bền vững.

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Một số đặc điểm chung của Nhà trường:

Trường nằm trên địa bàn một xã trung tâm của một huyện ngoại thành thành phố Hà Nội. Trường có hơn một nghìn học sinh chia thành 22 lớp. Nhà trường có bề dày truyền thống, nhiều năm liên tục đạt danh hiệu Trường Tiên tiến và Tiên tiến xuất sắc.

Đội ngũ giáo viên được đào tạo chuẩn và trên chuẩn, luôn yêu nghề, mến trẻ, ham học hỏi và chịu khó đầu tư cho từng tiết dạy.

Trường có đầy đủ phòng học, phòng chức năng, phòng truyền thống, phòng đồ dùng dạy học với nhiều trang thiết bị hiện đại.

100% giáo viên đều biết sử dụng máy vi tính và có thể thiết kế, chỉnh sửa giáo án trên Powerpoint. Giáo viên tích cực đổi mới, không ngừng học tập các phương pháp hiệu quả, tự rèn luyện nâng cao trình chuyên môn. Đặc biệt 100% giáo viên luôn chuẩn bị kỹ bài giảng trước khi đến lớp.

2. Đặc điểm lớp 1A

- Số học sinh: 49 em
- Trong đó : Nam: 34 em.

Nữ : 15 em.

Các em có đầy đủ sách giáo khoa và vở bài tập Tự nhiên và Xã hội. Các em đều chăm chỉ học tập, ham hiểu biết.

3. Những thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học. Trường có phòng đồ dùng có máy tính xách tay, phòng máy tính phục vụ học tập, tất cả đều được nối mạng internet, máy scan tranh ảnh, máy chiếu projector, máy chiếu đa vật thể, các băng đĩa, tranh ảnh (được cấp phát)... có nội dung liên quan đến việc dạy và học các môn học, trong đó có môn Tự nhiên và Xã hội..

Các lớp được trang bị đồ dùng tương đối đầy đủ như ti vi , máy chiếu, máy soi, bộ đồ dùng giảng dạy và học Toán, bộ tranh dạy Tiếng Việt, sách giáo khoa, sách giáo viên, bảng nhóm.....tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học.

3.2. Khó khăn

Thứ nhất: Nội dung các bài học thuộc chủ đề “Tự nhiên” thì phong phú mà thời lượng dành cho một tiết học chỉ có 40 phút. Điều này làm hạn chế khả năng truyền thụ kiến thức của giáo viên và việc lĩnh hội kiến thức của học sinh.

Trong khi đó, một số bài học nội dung khá ngắn gọn chỉ mang tính chất giới thiệu (nơi sống của cây chỉ đúng với 4 bức tranh đưa ra). Tiết học trở nên đơn giản, khó dạy, dẫn đến sự đơn điệu, tẻ nhạt nếu như không được giáo viên đầu tư nghiên cứu kĩ, sâu, sưu tầm thêm tranh ảnh hay vật thật làm cho tiết học thêm phong phú, sinh động.

Thứ hai: Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 mỗi tuần chỉ có 1 tiết lại chỉ đánh giá bằng nhận xét nên ít nhiều tạo tâm lí xem nhẹ môn học này trong phụ huynh và học sinh, thậm chí ngay trong cả một số giáo viên. Họ chỉ dạy cho đủ bài, học sinh trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa thế là xong mà chưa chịu đi sâu tìm tòi, nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho học sinh. Từ đó kéo theo học sinh chưa thực sự hứng thú học tập, yêu thích môn Tự nhiên và Xã hội, coi đó là môn học tìm hiểu thêm không quan trọng.

Qua thăm dò ý kiến học sinh lớp 1 tôi thu được kết quả như sau:

- 50% học sinh thích học.
- 30% học sinh coi là môn học bắt buộc.
- 20% học sinh không có ý kiến gì.

Thứ ba: Giáo viên chưa tận dụng và khai thác hết được vốn sống, vốn hiểu biết của học sinh; chưa phát huy hết được tác dụng của đồ dùng trực quan (tranh ảnh, vật thật...) khiến cho tiết dạy trở nên hình thức, chưa sâu. Giờ học chưa sôi nổi, chưa đạt hiệu quả cao.

Trước những thực trạng trên, tôi đã trăn trở suy nghĩ, tìm ra những biện pháp dạy học mang lại hiệu quả cao. Qua thời gian thực hiện, nay tôi xin đưa ra một số giải pháp tìm được nhằm khắc phục tình trạng trên, giúp học sinh học tốt tiết Tự nhiên và Xã hội, chủ đề *Tự nhiên*.

CHƯƠNG III. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 1 HỌC TIẾT TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI, CHỦ ĐỀ TỰ NHIÊN.

1. Biện pháp 1: Nghiên cứu nội dung chương trình, tham khảo, sưu tầm tài liệu để định hướng tổ chức giờ dạy:

Với vai trò là người tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của học sinh, người giáo viên đứng trên bục giảng phải nắm vững đơn vị kiến thức cần truyền đạt, hạn chế tối đa việc nhìn vào giáo án, vào tài liệu. Có như thế học sinh mới vững tin, kính nể về người thầy và chú ý nghe thầy giảng. Hiểu rõ được điều đó, tôi luôn nghiên cứu kỹ sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy, nghiên cứu kỹ nội dung bài học trước mỗi giờ lên lớp để có cái nhìn tổng quát về nội dung chương trình giảng dạy môn học; nắm vững mục tiêu cần đạt theo chuẩn và kỹ năng sống cần được giáo dục qua bài học.

Qua nghiên cứu chương trình, tôi nhận thấy môn Tự nhiên - xã hội lớp 1.Chương trình được xây dựng gần gũi, gắn với cuộc sống, sự vật hiện tượng liên quan tới các em và các sự vật hiện tượng trong tự nhiên xung quanh các em. Cấu trúc nội dung chương trình môn Tự nhiên - xã hội lớp 1 được phân chia thành các chủ đề, gồm 3 chủ đề:

- Con người và sức khỏe (10 bài)
- Xã hội (11 bài)
- Tự nhiên (14bài)

Nội dung kiến thức trong mỗi chủ đề đều được tích hợp nội dung giáo dục sức khỏe một cách hợp lý, đi từ sức khỏe cá nhân trong chủ đề “Con người và sức khỏe” đến sức khỏe cộng đồng trong chủ đề “Xã hội” và sức khỏe liên quan đến môi trường trong chủ đề “Tự nhiên”. Sách giáo khoa chủ yếu được trình bày bằng những hình ảnh sinh động, màu sắc tươi sáng với vai trò kép vừa làm nội dung cung cấp thông tin vừa làm nhiệm vụ chỉ dẫn các hoạt động học tập. Kênh chữ gồm hệ thống câu hỏi và những câu lệnh yêu cầu làm việc. Ở đầu các câu hỏi là các kí hiệu chỉ dẫn các hoạt động học tập của học sinh. Có 5 loại kí hiệu:

+ Kính lúp: Dùng để yêu cầu học sinh trước hết phải quan sát tranh ảnh trong sách giáo khoa rồi mới trả lời câu hỏi.

+ Dấu chấm hỏi: Yêu cầu học sinh ngoài việc quan sát các hình ảnh trong sách giáo khoa còn phải liên hệ thực tế, sử dụng vốn hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

+ Bút chì: Yêu cầu học sinh vẽ về những gì đã học.

+ Ống nhòm: Yêu cầu học sinh làm thực hành hoặc thí nghiệm.

Chủ đề *Tự nhiên* bao gồm 2 mạch kiến thức:

1. Thực vật và động vật (gồm 8 bài):
 - . Bài 22: Cây rau
 - . Bài 23: Cây hoa
 - . Bài 24: Cây gỗ
 - . Bài 25 : Con cá
 - . Bài 26: Con gà
 - . Bài 27: Con mèo
 - . Bài 28: Con muỗi
 - . Bài 29: Nhận biết cây cối và con vật.
2. Bầu trời (gồm 4 bài):
 - . Bài 30: Trời nắng, trời mưa
 - . Bài 32: Gió
 - . Bài 33: Trời nóng, trời rét
 - . Bài 34: Thời tiết

Việc nắm bắt chương trình giúp tôi biết được bài học chuẩn bị lên lớp nằm trong phạm vi nào, mạch kiến thức nào, chủ đề nào. Sau đó, tôi đọc kỹ nội dung bài học, xem xét kênh hình, kênh chữ, lệnh làm việc, đối chiếu đối tượng học sinh; nắm vững mục tiêu cần đạt theo Chuẩn kiến thức kỹ năng và những kỹ năng sống cần được giáo dục qua bài học để xác định rõ đâu là kiến thức trọng tâm buộc học sinh phải chiếm lĩnh sau khi kết thúc bài học.

Không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu chương trình, nội dung bài dạy, qua thực tế dạy *Tự nhiên* và xã hội lớp 1, tôi thấy việc tham khảo, sưu tầm thêm các tài liệu phục vụ cho bài dạy là điều rất bổ ích và vô cùng thiết thực. Tôi luôn chủ động tìm tòi những tài liệu có liên quan đến nội dung bài dạy phục vụ cho việc củng cố những kiến thức, kỹ năng mới, khắc sâu và mở rộng kiến thức nhằm đạt được mục tiêu bài học một cách hiệu quả nhất:

+ Đó là các tranh ảnh về các loài cây, con vật về bầu trời ; những băng hình về các con vật hay những tranh ảnh, tư liệu khai thác được trên mạng internet cũng rất hữu dụng.

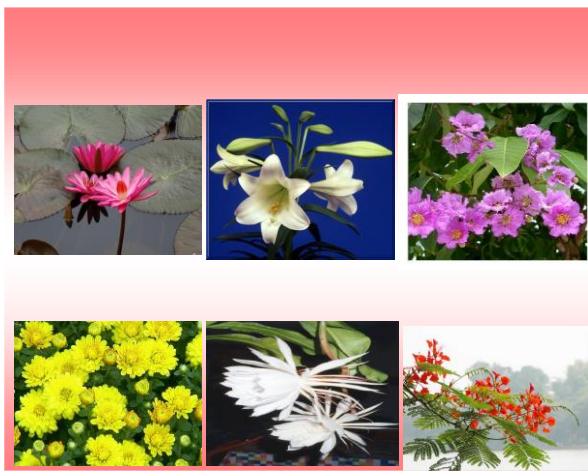
Chẳng hạn : Khi dạy bài 22: Cây rau

Khi nghiên cứu bài dạy, tôi thấy sách giáo khoa chỉ đưa ra những hình ảnh về cây rau. Hình ảnh cây rau bắp cải, cây rau cải... không rõ nét, học sinh khó nhận ra. Để giúp học sinh mở rộng thêm hiểu biết về nơi sống của cây, tôi đưa thêm một số hình ảnh về cây rau chủ yếu là những cây gần gũi, quen thuộc có ở xung quanh nơi các em sống, học sinh dễ nhận ra và cho học sinh phân biệt được rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn thân và hoa, rau ăn thân, lá .



Hay Dạy bài 23 : Cây hoa

Tôi cho học sinh xem một số hình ảnh cây hoa khác trong sách giáo khoa



Những hình ảnh này nhằm bổ trợ thêm cho nội dung bài học phong phú mà không vượt quá yêu cầu bài học, giúp khắc sâu nơi sống của các loài vật, mở rộng thêm hiểu biết cho các em về một số cây hoa, tác dụng của cây hoa, làm rõ hơn nội dung bài học đưa ra chưa rõ nét. Trên cơ sở đó, các em đã tự tìm thêm được nhiều loại hoa.

+ Vì đặc thù địa phương là vùng nông thôn nên một số bài học trong chủ đề Tự nhiên, tôi có thể chuẩn bị vật thật là khá thuận tiện bài học trong chủ đề Tự nhiên, tôi có thể chuẩn bị vật thật là khó thuận tiện để mang đến lớp góp phần làm cho giờ học thêm sinh động, hấp dẫn, thu hút học sinh đến với bài học, đến với kiến thức bằng con đường dễ hiểu nhất, nhanh nhất.

Kết quả: Việc nghiên cứu, tham khảo, sưu tầm tài liệu thực sự đã giúp tôi xây dựng được kế hoạch hoàn hảo cho các bài dạy, giúp tôi làm chủ được kiến thức, tự tin khi đứng trên bục giảng, tạo cho mình có một tâm thế tốt nhất. Điều đó càng thôi thúc tôi say mê với công việc hơn.

2. Biện pháp 2: Hướng dẫn sự chuẩn bị của học sinh để học sinh học tập tích cực theo định hướng phát triển năng lực:

Để một tiết dạy học Tự nhiên - xã hội nói chung, tiết dạy các bài thuộc chủ đề *Tự nhiên* nói riêng đạt hiệu quả cao thì việc chuẩn bị bài của học sinh có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cần thiết. Nếu như học sinh không có sự chuẩn bị bài trước (dưới sự hướng dẫn của giáo viên) thì chắc hẳn giờ học sẽ khó đạt được kết quả như mong muốn cho dù sự chuẩn bị của giáo viên có chu đáo đến đâu, giáo viên có giỏi đến đâu. Chính vì thế, ngay từ đầu năm học, tôi luôn coi trọng việc hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài cho tiết học. Thông thường trong các giờ tự học trước đó, tôi hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài như sau:

- Xem trước nội dung bài trong sách giáo khoa: quan sát kênh hình, kênh chữ để hiểu yêu cầu làm việc thông qua những chỉ dẫn và các câu hỏi, câu lệnh trong bài. Bước này giúp học sinh bước đầu tiếp cận với nội dung bài học, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- Tự khai thác kiến thức từ tranh ảnh trong sách giáo khoa, tập trả lời câu hỏi hoặc thực hiện yêu cầu của lệnh; sưu tầm thêm các tranh ảnh, tư liệu về các loài vật, loài cây hay về mặt trời, mặt trăng và các vì sao hoặc định hướng những gì mình sẽ phải làm để thực hiện yêu cầu của bài học. Điều này tạo cho học sinh tự tin hơn trong giờ học trên lớp, hăng diện với bạn bè về những gì mình tự làm được, sưu tầm được.

3. Biện pháp 3: Lập kế hoạch thiết kế các hoạt động dạy học.

Lập kế hoạch cho bài dạy là việc làm không thể xem nhẹ của mỗi giáo viên trước mỗi giờ lên lớp. Trước đây, việc lập kế hoạch của tôi cũng như không ít giáo viên chỉ là thiết kế theo các hoạt động, các bước mà trong sách giáo viên đưa ra. Vì thế, các hoạt động diễn ra một cách đơn điệu, không có chiều sâu. Tiết dạy chỉ dừng ở mức đạt yêu cầu.

Để mỗi tiết dạy học luôn thành công, đạt hiệu quả cao, sau khi nghiên cứu kĩ nội dung, chương trình, nắm chắc mục tiêu và chuẩn bị tốt các đồ dùng, phương tiện dạy học, tôi lập kế hoạch cho bài học thật chu đáo.

Khi lập kế hoạch, tôi luôn thử làm trước tất cả những gì học sinh sẽ phải làm trong giờ học, đặt mình vào lứa trẻ để giải quyết vấn đề, tự điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp với đối tượng học sinh, tránh được những tình huống bất ngờ có thể xảy đến mà không xử lý kịp. Nội dung kiến thức của bài học sẽ được phân phối thành các hoạt động cụ thể tương ứng với nhóm kiến thức (mới - thực hành - vận dụng). Từ đó có phương án hợp lý trong lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức học tập, cách dẫn dắt, gợi ý, bố trí thời gian, tổ chức đánh giá. Một điều nữa mà tôi đã thành công và muốn nói là: Kế hoạch bài học chỉ thực sự đạt kết quả khi thực hiện tổ chức trên đối tượng học sinh cụ thể.

Khi lập kế hoạch dạy học ở mỗi bài thuộc chủ đề Tự nhiên, tôi luôn đặt ra các câu hỏi như: Kiến thức kỹ năng cơ bản của bài học là gì? Làm thế nào để đạt chuẩn? Nội dung và yêu cầu dành cho học sinh là gì? Cách thực hiện như thế nào? Cần hỗ trợ học sinh yếu cái gì? ...

Ví dụ : Khi dạy bài 25: Con cá

* Theo chuẩn kiến thức kỹ năng, học xong bài này học sinh có khả năng:

- Kể tên 1 số loài cá và nơi sống của chúng(cá biển, cá ao, cá sông, cá suối).
- Quan sát phân biệt và nói tên các bộ phận bên ngoài của cá.
- Nêu được một số cách bắt cá
- Ăn cá để cơ thể khỏe mạnh.

* Các kỹ năng sống cơ bản được giáo dục trong bài:

- Kỹ năng quan sát, tìm kiếm, xử lý thông tin.
- Kỹ năng tự nhận thức: tự nhận thấy ăn cá giúp cơ thể khỏe mạnh.
- Phát triển kỹ năng giao tiếp (trình bày, lắng nghe, phản hồi tích cực..)

* Các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng trong bài:

- Thảo luận nhóm.
- Trò chơi.
- Suy nghĩ - thảo luận cặp đôi - chia sẻ.

* Các phương tiện dạy học:

- Hình ảnh SGK trang 52 - 53, một số hình ảnh s- u tìm.

Các nội dung, kiến thức của bài học được tôi phân phối thành các hoạt động tương ứng với từng nhóm kiến thức như sau:

Hoạt động 1: (8 phút): Quan sát con cá:

- Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ và hướng dẫn các nhóm làm việc:

- + Chỉ và nói bộ phận bên ngoài của con cá?
- + Cá thở như thế nào ?
- + Cá sử dụng bộ phận nào để bơi?
- + Bộ phận nào của cá đang chuyển động?
- + Các con biết những bộ phận nào của cá ?

- + Tại sao con cá lại đang mở miệng ?
- + Tại sao nắp mang của nó lại luôn luôn mở ra rồi lại khép lại ?
- Yêu cầu hs các nhóm trình bày
- Giáo viên nhận xét và kết luận.

Hoạt động 2: (8 phút) Làm việc với Sách giáo khoa

Mục tiêu: Nhận biết các loài cá và ích lợi của chúng.

Trước hết, tôi cho học sinh nêu yêu cầu của nhiệm vụ 1 (biểu tượng kính lúp và lệnh: Nói tên và nêu ích lợi của cá có trong hình)

Học sinh làm việc theo nhóm: Nêu tên các loại cá mà hs biết và ích lợi của chúng.

Học sinh thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi theo cặp.

- + Kể tên các loại cá mà em biết ?
- + Nói về một số cách bắt cá ?
- + Em thích ăn cá nào ?
- + Tại sao chúng ta phải ăn cá ?
- + Con phải chú ý điều gì khi ăn cá?
- Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày.
- Giáo viên nhận xét, kết luận.

Bước này nhằm phát triển ở học sinh kỹ năng quan sát, tìm kiếm, xử lý thông tin từ tranh ảnh sách giáo khoa.

Như vậy hoạt động 2 là hoạt động kết nối những kiến thức mới bài học muốn cung cấp với những vấn đề đã chia sẻ ở hoạt động 1, giữa cái đã biết với cái chưa biết, giữa kinh nghiệm hiện có của học sinh với bài mới. Sau đó, kiến thức, kỹ năng mới đã được cung cấp một cách đầy đủ, chính xác và toàn diện hơn. Tôi nhận thấy rất rõ học sinh tỏ ra thích thú khi được học với phương pháp mới này. Vì vậy hiệu quả giờ dạy cao hơn rất nhiều.

Hoạt động 3: (10 phút): Thực hành vẽ tranh con cá.

- Yêu cầu hs mở vở bài tập và vẽ con cá.
- Giáo viên nhận xét bài vẽ của hs.

Kết quả: Với cách tổ chức các hoạt động và dẫn dắt học sinh chiếm lĩnh nội dung kiến thức bài học như trên, tôi nhận thấy rất rõ học sinh tỏ ra thích thú khi được học với phương pháp mới này, say sưa với việc tìm hiểu bài, hăng hái, tích cực tham gia vào các hoạt động. Giờ học không bị nhàm chán, đơn điệu. Các em nắm chắc, hiểu sâu, được mở rộng thêm, giờ học nhẹ nhàng, tự nhiên, đầy hứng khởi.

Trong giờ học tôi luôn khai thác triệt để vốn hiểu biết của học sinh.

Nội dung kiến thức của chủ đề Tự nhiên trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 là những kiến thức khoa học gần gũi, thiết thực liên quan đến các em, trong đó có những kiến thức mà các em đã nghe, đã biết sơ qua hoặc những kiến

thức hàng ngày các em chưa phát hiện ra, chưa liên kết lại để biết về nó. Vì vậy, trong quá trình dạy học, tôi luôn chú ý khai thác triệt để vốn hiểu biết ở học sinh qua việc liên hệ thực tế hoặc với kiến thức đã có trước đó.

Ví dụ: Dạy bài 30 : Trời nắng, trời mưa.

Để khai thác vốn hiểu biết của học sinh về trời nắng, trời mưa trước khi vào bài học, tôi tổ chức cho học sinh quan sát tranh về trời nắng, trời mưa:

(?) Hình nào cho biết trời nắng?

(?) Hình nào cho biết trời mưa ?

(?) Vì sao con biết ?

- Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày

- Giáo viên kết luận.

Thông qua bức vẽ cùng những lời giới thiệu, câu trả lời mà các em trình bày và những lời nhận xét của học sinh, tôi nắm bắt được mức độ hiểu biết của các em về trời nắng, trời mưa đến đâu. Nhờ đó mà có sự dẫn dắt, gợi ý cho việc tìm hiểu kiến thức của những hoạt động tiếp theo.

(?) Tại sao đi dưới trời nắng con phải đội mũ, nón hoặc che ô?

(?) Để không bị ướt đi dưới trời mưa con cần phải làm gì ?

Tôi chốt kiến thức: Đi dưới trời nắng phải đội mũ, nón không để bị ốm. Đi dưới trời mưa phải đội nón, mặc áo mưa hoặc che ô.

Trên cơ sở học sinh đã có những hiểu biết về trời nắng, tôi đặt câu hỏi liên hệ thực tế:

(?) Tại sao trời nắng to, ta không nên nhìn trực tiếp vào mặt trời?

Với hoạt động này, tôi vừa khai thác vốn hiểu biết của các em, vừa giáo dục kĩ năng sống: biết tự chăm sóc sức khỏe cho bản thân và biết cách phòng tránh một số bệnh tật. Học sinh hiểu được và thực hiện:

+ Đi nắng phải đội mũ, nón hoặc che ô để tránh bị cảm nắng, nhức đầu, sởi mũi..

=> Với cách khai thác như trên, tôi đã dẫn dắt học sinh dễ dàng có được những kiến thức, kĩ năng mà không hề phải vất vả giảng giải nhiều. Các em cứ dần dần tự chiếm lĩnh. Giờ học diễn ra nhẹ nhàng, thoải mái.

4. Biện pháp 4: Sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học:

Ngày nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của mỗi quốc gia, góp phần đổi mới phương pháp dạy học các môn. Đối với môn Tự nhiên xã hội việc ứng dụng công nghệ thông tin có thể được áp dụng trong nhiều lĩnh vực, hình thức và mức độ khác nhau, tùy thuộc vào nội dung, đối tượng và bài học cụ thể.

Khi thiết kế bài giảng điện tử thông qua phần mềm PowerPoint tôi thường tuân theo các bước sau:

- Bước 1: Lựa chọn bài giảng thích hợp.
- Bước 2: Xác định cấu trúc bài giảng điện tử.
- Bước 3: Thiết kế bài giảng trên PowerPoint.
- Bước 4: Kiểm tra và chạy thử chương trình.

Ngoài ra cần chú ý:

- Chọn màu nền và màu chữ đảm bảo tính khoa học sư phạm (lựa chọn sự tương phản giữa màu nền và màu chữ, ví dụ nền xanh đậm thì chọn chữ màu trắng hoặc vàng, nền màu sáng thì chọn chữ màu đen)
- Chọn cỡ chữ cho phù hợp.
- Lựa chọn hiệu ứng phù hợp mục tiêu dạy học.

Việc ứng dụng và thực hiện bài giảng bằng phần mềm Power Point vào giảng dạy rất hiệu quả và cần thiết vì nó được tiết kiệm được thời gian, chi phí trong giảng dạy. Tạo sự thuận lợi khi nhắc lại phần kiến thức được trình bày trước, khả năng lưu giữ và bổ sung nội dung bài học dễ dàng mà không cần in ấn. Sử dụng phần mềm Power Point gây được sự hứng thú trong học tập giúp các em tiếp thu lĩnh hội kiến thức bài học được tốt hơn.



***Một số lợi ích của các loài cây
mà con biết?***

Làm cảnh, lấy gỗ, làm thuốc, thức ăn,.....



+ *Chẳng hạn* dạy bài 32: Trời nắng, trời mưa
Một số hình ảnh về trời nắng, trời mưa

Hoạt động 3: Quan sát và nhận xét:

Hình nào chỉ trời nắng ? Hình nào chỉ trời mưa? Vì sao em biết



H1



H2



H3



H4



H5



H6



Những hình ảnh, thông tin này giúp học nhận biết tương đối chính xác về trời nắng, trời mưa

Kết quả: Qua khai thác vốn hiểu biết của học sinh, sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học và tự làm thêm đồ dùng dạy học phục vụ cho giờ dạy, tôi thấy hiệu quả giờ dạy cao hơn rất nhiều; kiến thức bài học được mở rộng, khắc sâu không bị bó hẹp, gây được hứng thú học tập cho học sinh. Học sinh tự tin hơn trong các hoạt động học tập cũng như giao tiếp hàng ngày; bồi dưỡng lòng say mê khoa học, tình cảm yêu thích môn học; thực sự làm cho trẻ cảm thấy “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, không còn cảm giác mệt mỏi, uể oải, căng thẳng.

5. Biện pháp 5: Sử dụng ca dao, tục ngữ, thơ và tổ chức trò chơi học tập trong dạy học Tự nhiên và Xã hội:

Học sinh Tiểu học ham hiểu biết, ưa hoạt động, hay tò mò, thích khám phá giàu óc tưởng tượng, đặc biệt thích các hoạt động vui chơi giải trí. Vì vậy tri thức cung cấp đến với học sinh phải đa dạng, dưới nhiều hình thức, có như thế mới kích thích được học sinh tích cực hoạt động và hoạt động có hiệu quả

5.1. Sử dụng ca dao, tục ngữ, thơ ca:

Để cho giờ học vui, đỡ nhàm chán, học sinh dễ tiếp thu bài trong các tiết học Tự nhiên và Xã hội thuộc chủ đề Tự nhiên, ngoài những phương pháp tôi đã áp dụng ở trên thì việc sử dụng các câu đố, ca dao, thơ... trong các tiết dạy cũng được tôi đặc biệt chú ý, thường xuyên sử dụng xen kẽ một cách hợp lí, hiệu quả.

Chẳng hạn dạy bài 23 : Cây hoa

Một trong những yêu cầu cần đạt là: Nêu được tên một số cây rau mà con biết.

Tôi tổ chức cho học sinh quan sát các tranh ảnh trên màn hình và giải các câu đố do giáo viên đưa ra như sau :

Tắm dưới hồ rất dịu dàng

Mà sao mang tiếng dùng đoàn lạ thay

(là hoa gì ?)

Đỏ lừng khắp cả mình cây

Khi quả chín vỡ bông bay khắp vườn

(là hoa gì ?)

Ví dụ bài 22:Cây rau.

Tôi yêu cầu học sinh tìm câu thơ, ca dao tả về cây rau mà em biết:

Cuối thu trồng cải, trồng cần

Ăn ròng sáu tháng cuối xuan thì tàn

Bây giờ ra muống đã lan

Lại ăn cho đến thu tàn thì thôi

Mùa nào thức ấy lần hồi

Lọ là đem của cho người ta ăn.

Việc tổ chức các trò chơi đem lại hiệu quả không nhỏ cho giờ dạy và đây cũng là một trong những biện pháp được nhiều giáo viên lựa chọn khi tiến hành các giờ học. Nó thực sự đem lại bầu không khí sôi động. Trò chơi thường được tôi tổ chức ở đầu hoặc cuối mỗi giờ học để khởi động hoặc củng cố kiến thức mà các em vừa mới khám phá được. Để xây dựng trò chơi phong phú, sinh động, phù hợp với nội dung bài học và điều kiện cụ thể, tôi đã tiến hành như sau:

Bước 1: Khi lập kế hoạch bài dạy, tôi xây dựng trò chơi phù hợp với nội dung bài học; xây dựng phương pháp thực hiện trò chơi, giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

Bước 2: Tôi hướng dẫn luật chơi và tiến hành trò chơi.

Bước 3: Học sinh thực hiện trò chơi, học sinh tự nhận xét, đánh giá và bổ sung trò chơi. Tôi góp ý, nhận xét chung.

Tôi đã xây dựng được một số trò chơi như sau:

a) Trò chơi **“Đoán ô chữ”** (Bài 22: Cây rau)

Trò chơi: Đoán ô chữ

1				C	À	C	H	U	A
2	K	I	M	C	H	Â	M		
3	C	Ã	I	C	A	Y			
4				C	À	R	Ó	T	
5				H	O	A	B	Í	
6		R	A	U	M	U	Ó	N	G



b) Trò chơi: **Bắt chước tiếng con vật** (Bài 26 + 27: Con gà, con mèo)

Mỗi bên nam - nữ cử 1 bạn đại diện lên tham gia, bắt bắt thăm bắt chước tiếng con vật ghi trong giấy. (gà, mèo,...)

c) Trò chơi: **Tiếp sức:** Thi hát một bài hát hoặc đọc một bài thơ hay bài vè, bài đồng dao... về một con vật hay về cây rau, hoa.

Mỗi tổ cử 2 người lên tham gia thi hát, lần lượt từng người hát và loại dần những người không nhớ bài hát nữa bằng cách đếm ngược từ 10 -> 1. Bạn còn lại cuối cùng là người thắng cuộc.

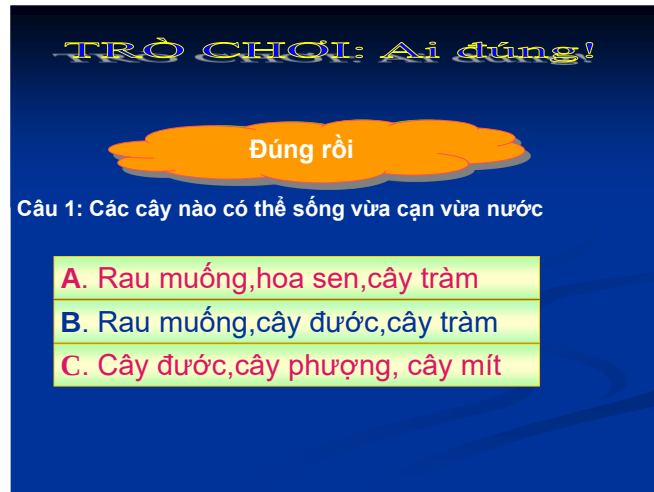
- . Cá vàng bơi... . Tập tầm vông con công nó múa...
- . Rửa mặt như mèo... . Trông kia đàn gà con lông
- . Hoa trong vườn..

. Cây đa này, tay Bác trồng...

. Một con vịt xòe ra hai cái cánh..

d) Trò chơi : **Xem hình đoán chữ** (Có thể áp dụng với các dạng bài Thực vật - động vật)

đ) Trò chơi : Ai đúng



Kết quả : Với việc tổ chức các trò chơi trong giờ học Tự nhiên và Xã hội đã góp phần tạo nên sự thành công cho tiết dạy giúp học sinh nắm chắc, hiểu sâu, rộng,, nhớ lâu những kiến thức được học. Hơn thế nữa, thông qua trò chơi phát huy được tính sáng tạo, sự bạo dạn, tự tin trong giao tiếp cho học sinh: Có kĩ năng giao tiếp, kĩ năng hợp tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Ở lớp tôi , đầu năm những em còn nhút nhát, ngại phát biểu thì giờ đây đã hăng hái hẳn lên, lúc nào cũng mong đến giờ học Tự nhiên và Xã hội. Các em thực sự học mà chơi, chơi mà học.

CHƯƠNG IV. KẾT QUẢ

1. Giáo viên. Qua quá trình thực hiện các biện pháp trên, tôi thu được kết quả như sau:

- Việc giảng dạy môn Tự nhiên và xã hội đã được tốt hơn, hiệu quả hơn. Tôi đã tham gia tiết dạy chuyên đề Tự nhiên và Xã hội bài “Một số loài vật sống trên cạn” đạt kết quả tốt và được phổ biến, áp dụng trong khối.

- Qua đề tài “Một số biện pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, chủ đề Tự nhiên” trên năng lực chuyên môn tôi được nâng cao. Đề tài này đã được trao đổi bàn bạc trong sinh hoạt chuyên môn và áp dụng rộng rãi trong khối, được học sinh hào hứng đón nhận và thu được kết quả rất khả quan. Tôi đã phối hợp với các bạn đồng nghiệp trong khối tự làm bộ đồ dùng bằng phần mềm Power point. Bộ đồ dùng này vừa dễ sử dụng mà hiệu quả rất cao. Tôi thực sự chủ động trong giảng dạy và cảm thấy tự tin, hứng thú khi dạy môn Tự nhiên và Xã hội.

2. Học sinh.

Qua quá trình thực hiện áp dụng các biện pháp trên tôi thấy các em nắm vững phương pháp học bộ môn, yêu khoa học tự nhiên; có được những hiểu biết về thế giới tự nhiên, biết bảo vệ và giữ gìn theo mục tiêu môn học đề ra.

Trong mỗi tiết học, học sinh hào hứng, sôi nổi trao đổi, thảo luận phát biểu ý kiến xây dựng bài, nêu ý kiến về những điều mình còn thắc mắc. Nhờ vậy các em nắm được kiến thức một cách chủ động, hiểu bài sâu, nhớ bài kĩ.

Kết quả đạt được cuối học kì II của các em như sau:

Tổng số học sinh	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
49 em	35 em = 71,4%	14 em = 28,6%	0 em = 0%

Nhìn vào kết quả ở bảng trên, ta thấy việc áp dụng các biện pháp của đề tài đã có tác dụng rõ rệt trong việc rèn kĩ năng quan sát, tìm kiếm, xử lý thông tin tốt hơn do đó kết quả học tập từng bước được nâng lên. Điều đó góp phần khích lệ tinh thần học tập, giúp học sinh tích cực học tập và đem lại kết quả ngày một tốt hơn. Kết quả này đã khẳng định tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của đề tài.

PHẦN C : KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. Kết luận:

Qua nghiên cứu đề tài và thực tế giảng dạy tôi thấy rằng việc đổi mới phương pháp dạy và học Tự nhiên và Xã hội là một việc làm quan trọng trong các nhà trường. Để các giờ dạy trên lớp có hiệu quả thực sự người giáo viên đứng trên bục giảng luôn phải khiêm tốn, học hỏi. Yếu tố không thể thiếu được là sự tận tụy, sáng tạo của người thầy khi làm việc. Vậy muốn có giờ học đạt kết quả cao giáo viên cần có sự chuẩn bị tốt trước khi lên lớp. Phải dự đoán được các tình huống có thể xảy ra trong bài dạy, từ đó có những biện pháp thích hợp để giải quyết những tình huống đó.

Để có giờ học hay, giờ học đạt hiệu quả cao giáo viên phải chuẩn bị đồ dùng trực quan trong giảng dạy. Giáo viên luôn coi học sinh là nhân vật trung tâm của quá trình dạy học, còn giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn giúp các em luôn tự giác, tích cực trong hoạt động nhận thức và tìm tòi, phát hiện chiếm lĩnh tri thức. Luôn đặt mình vào vị trí của học trò để lường trước những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải để giúp các em hoàn thành nội dung bài.

Để giúp học sinh tự tin và thành công trong giờ học Tự nhiên và Xã hội, giáo viên cần tự tin vào khả năng và sự nỗ lực của bản thân mình. Người giáo viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân qua nghiên cứu, học tập, qua các chuyên đề, qua tài liệu chuyên môn, thông tin giáo dục Tiểu học đối với sự nghiệp giáo dục.

Thấy áp dụng các biện pháp nêu trên có hiệu quả tôi đã mạnh dạn đưa ra bàn bạc và triển khai trong khối kết quả thu được rất tốt. Tất cả các em học sinh khối 2 đều có hứng thú khi học phân môn Tự nhiên và Xã hội. Việc học tốt phân môn Tự nhiên và Xã hội góp một phần không nhỏ thúc đẩy phong trào học tập của nhà trường ngày một đi lên.

II. Khuyến nghị

*** Đối với Sở giáo dục và Đào tạo Hà Nội:** Bồi dưỡng thêm chuyên môn cho giáo viên, tổ chức xây dựng thêm các chuyên đề, hội thảo để giáo viên có cơ hội giao lưu học hỏi kinh nghiệm.

*** Đối với Phòng giáo dục và đào tạo Huyện:** Tham mưu với các cấp lãnh đạo bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo phòng học đạt chuẩn sĩ số 35 học sinh/ 1 lớp. Bổ sung thêm trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy và học.

*** Đối với nhà trường:**

- Tổ chức nhiều chuyên đề hơn để giáo viên được học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy.

*** Đối với giáo viên:**

- Muốn dạy tốt thì phải thường xuyên tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, tìm kiếm thông tin, tự làm đồ dùng hoặc sưu tầm đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

- Phải biết xây dựng mối đoàn kết nội bộ và dựa vào sức mạnh đoàn kết trong tập thể, giáo viên trong khối, trong trường.

- Phải xây dựng phong trào hoạt động, lòng yêu thích say mê, ham học hỏi của học sinh.

Với sáng kiến kinh nghiệm: ***“Một số biện pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.”*** là một số kinh nghiệm nhỏ của bản thân tôi đã áp dụng giảng dạy phân môn Tự nhiên và Xã hội.

Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các cấp lãnh đạo, các bạn đồng nghiệp để đề tài được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu nhà trường, tập thể giáo viên, tập thể học sinh lớp 1 đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành đề tài này.